TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày: 24- 3- 2023
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Diễm Châu**;

2. Bà **Ngô Thị Phương Trang**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ *tham gia phiên toà:* Bà **Khổng Phúc Vĩnh Nhật**- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST-KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty B

Địa chỉ: đường N, khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1967- Giám đốc.

Địa chỉ: đường S, phường A, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Châu Quang H, sinh năm 1983- Nhân viên pháp chế.(Giấy ủy quyền ngày 4/10/2022). Có mặt.

Địa chỉ: khu phố X, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty V.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đức T, sinh năm 1962. Vắng mặt lần 2.

Cùng địa chỉ: ấp L, thị trấn A, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty Bcó đại diện theo ủy quyền ông Châu Quang H trình bày và yêu cầu: Ngày 01/01/2021, giữa *Công ty B* và Công ty V đã ký kết Hợp đồng mua bán thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất, phân bón số 939/HĐMB/BVTV-SG/KDTT/2020. Theo đó, Công ty B cung cấp bảo vệ thực vật, hóa chất, phân bón cho Công ty V theo đơn đặt hàng, giá cả, thời gian giao hàng, phương thức thanh toán sẽ được ghi nhận cụ thể trên từng hóa đơn khi giao hàng. Sau khi ký kết hợp đồng, hai bên tiến hành thực hiện nhiều giao dịch mua hàng và thanh toán tiền. Tính đến ngày 04/05/2022 hai bên đối chiếu công nợ xác nhận đến ngày 31/5/2022 Công ty Vcòn nợ 362.463.651đ. Công ty B đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty V thanh toán toàn bộ số nợ nhưng Công ty V không thực hiện mà cố tình kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty B.

Nay yêu cầu Công ty V có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 362.463.651đ, nợ lãi 48.932.592đ (1,5%/tháng) tạm tính từ ngày 31/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/3/2023.

Bị đơn Công ty V trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định chung.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 362.463.651đ, nợ lãi 48.932.592đ tính từ ngày 31/5/2022 đến ngày 24/3/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty B và Công ty V đều có đăng ký kinh doanh và đều nhằm mục đích sinh lợi nên xác định là vụ án kinh doanh thương mại, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn Công ty V có địa chỉ trụ sở tại ấp L, thị trấn A, huyện V,

thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn Công ty V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do và cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có cơ sở.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 01/01/2021, Công ty Bvà Công ty V ký kết Hợp đồng mua bán số 939/HĐMB/BVTV-SG/KDTT/2020. Theo đó, Công ty B cung cấp bảo vệ thực vật, hóa chất, phân bón cho Công ty V theo đơn đặt hàng, giá cả, thời gian giao hàng, phương thức thanh toán sẽ được ghi nhận cụ thể trên từng hóa đơn khi giao hàng *(Điều 4 của Hợp đồng)*. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 cho đến hết ngày 31/12/2023. Bên B sẽ thanh toán tiền hàng cho Bên A trong vòng 1 tháng sau khi kết thúc vụ mùa. Bên A đã giao hàng xong, nhưng Bên B không thanh toán theo cam kết. Đến ngày 04/5/2022 hai bên chốt đối chiếu công nợ đến hết ngày 31/5/2022 thì Bên B còn nợ tiền vật tư nông nghiệp của Bên A là 362.463.651đ. Bên A đã nhiều lần yêu cầu Bên B thanh toán tiền hàng nhưng Bên B vẫn không thực hiện (vi phạm Điều 6 của Hợp đồng) nên Công ty B đã ngừng hợp tác với Công ty V và buộc Công ty V phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc, lãi suất phạt vi phạm chậm thanh toán tại Điều 5.3 của Hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 24, 50, 300 và 301 Luật thương mại năm 2005.

Đối với bị đơn không đến Tòa án theo triệu tập cũng như không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án xem xét. Ngày 31/01/2023 Tòa án có tiến hành xác minh. Kiểm tra thẩm định hoạt động của Công ty Vghi nhận hiện trạng Công ty đã dừng hoạt động nhưng thủ tục pháp lý đăng ký kinh doanh của Công ty vẫn còn chưa đăng ký thủ tục phá sản và ghi nhận đại diện theo pháp luật của Công ty ông Vũ Đức Tuyên vẫn đi về địa phương thường xuyên đều này thể hiện bị đơn cố ý lẫn tránh kéo dài nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn là sự thật. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền còn nợ 362.463.651đ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về khoản lãi vi phạm hợp đồng: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi 18%/năm (1,5%/tháng, 0,05%/ngày) tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 24/3/2023 xét xử sơ thẩm đối với số tiền nợ gốc 362.463.651đ. Xét thấy, tại Hợp đồng mua bán hàng hóa hai bên có thỏa thuận mức lãi suất chậm thanh toán là 1,5%/tháng (18%/năm) là phù hợp theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại: *Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định.* Do đó, xác định các bên có thỏa

thuận lãi suất chậm thanh toán phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là có cơ sở.

Lãi suất bị đơn phải chịu được tính từ ngày 31/5/2022 đến ngày 24/3/2023 cụ thể như sau: 362.463.651đ (gốc) x 18%/năm (1,5%/tháng; 0,05%/ngày) x 9 tháng (làm tròn) = 48.932.592đ.

Riêng lãi suất chậm trả khi thi hành án thì các bên không có thỏa thuận nên cần phải áp dụng lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường nếu bị đơn chậm thi hành án.

[4] Từ những tình tiết và sự kiện đã phân tích tại mục [2] và [3], có đủ cơ sở để xác định việc bị đơn còn nợ tiền vật tư nông nghiệp của nguyên đơn 362.463.651đ và vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán là có thật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền 411.396.243đ. Trong đó, nợ gốc 362.463.651đ, nợ lãi 48.932.592đ, tính đến ngày 24/3/2023 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, thẩm định tại chỗ đối với hoạt động của Công ty V với số tiền 3.000.000đ. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu số tiền này và có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là có cơ sở.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch cụ thể được tính như sau: 20.000.000đ +4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000đ. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí căn cứ theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144, 147, 157, 227, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 24, 50, 300, 301 và 306 của Luật kinh doanh thương mại năm 2005;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty B đối với bị đơn Công ty V.

1. Buộc bị đơn Công ty V phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty B số tiền 411.396.243 đồng *(Bốn trăm mươi một triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm bốn mươi ba đồng)*. Trong đó, nợ gốc 362.463.651 đồng, nợ lãi 48.932.592 đồng, tính đến ngày 24/3/2023.

Trường hợp bị đơn chậm thanh toán nợ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn Công ty V phải chịu 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* và có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền này cho nguyên đơn Công ty B.

4. Về án phí: Bị đơn Công ty V phải chịu 20.455.000 đồng *(Hai mươi triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn Công ty B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 9.061.000 đồng *(Chín triệu không trăm sáu mươi mốt ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006476 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND h. Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS h.Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Ánh Đào